

Sự phát triển của Shiva giáo trong văn hóa Óc Eo: Điển cứu các biểu tượng trên hiện vật vàng lá

Võ Thị Huỳnh Như*, Cao Thu Nga



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Vàng lá là một loại hình hiện vật độc đáo và có số lượng lớn trong văn hóa Óc Eo. Chúng là những vật thiêng nhất định phải có trong các nghi lễ Shilanyas, nghi lễ đặt vật thiêng trước khi xây dựng các công trình kiến trúc trong Ấn Độ giáo. Cho đến nay, các nhà khoa học đã phát hiện hơn 800 hiện vật vàng lá trong các di tích kiến trúc thuộc nền văn hóa Óc Eo ở miền Nam Việt Nam. Nhiều mảnh vàng được chạm khắc các nội dung thể hiện cho thế giới quan của người Óc Eo, trong đó các biểu tượng của Ấn Độ giáo chiếm tỷ lệ cao. Bằng cách nghiên cứu nội dung thể hiện trên các hiện vật vàng lá thuộc văn hóa Óc Eo đang lưu giữ ở các bảo tàng các tỉnh ở Nam Bộ, bài viết nhận diện và thống kê lại những biểu tượng Shiva giáo trên các hiện vật này. Kết quả cho thấy, trên vàng lá, thần Shiva ít được thể hiện dưới dạng nhân thân, chỉ có bảy tiêu bản ở di tích Đá Nổi, An Giang, tính chất Shiva giáo chủ yếu được thể hiện thông qua các linh vật và vật cưỡi của thần Shiva: linga, đỉnh ba, bò thần Nandi, mặt trăng khuyết, bình nước và con hươu. Tất cả đều chỉ được tìm thấy ba di tích Đá Nổi, Nền Chùa và Gò Tháp, đều là các di tích kiến trúc có niên đại sớm. Ở nhiều hiện vật, các biểu tượng của Visnu giáo và Siva giáo còn được thể hiện cùng nhau. Những kết quả này chứng minh cho quá trình phát triển liên tục của Shiva giáo ở Nam Bộ. Mặc dù vào thế kỷ V-VI Vishnu giáo chiếm ưu hơn ở đồng bằng Nam Bộ nhưng Shiva giáo vẫn duy trì sự tồn tại như một giáo phái lớn.

Từ khóa: Ấn Độ giáo, Shiva giáo, vàng lá, văn hóa Óc Eo

1 MỞ ĐẦU

Văn hóa Óc Eo là tên gọi của một nền văn hóa khảo cổ xuất hiện vào khoảng đầu công nguyên ở khu vực đồng bằng Mê Kông. Các nhà khoa học Pháp và sau đó là Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu trong gần 80 năm qua. Nền văn hóa này có không gian phân bố trên vùng đồng bằng châu thổ sông Mê Kông, tồn tại trong khoảng thế kỷ I đến thế kỷ VII, được xem là một thực thể của vương quốc cổ Phù Nam – một trong những quốc gia hình thành và phát triển sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á. Một trong những hiện vật độc đáo và có số lượng tương đối nhiều của văn hóa Óc Eo là các mảnh vàng lá. Đó là các mảnh vàng được dát mỏng, có hoặc không có hoa văn trang trí, được tìm thấy trong di tích kiến trúc. Những hiện vật vàng được Louis Malleret công bố lần đầu trong 3 tập đầu của series 4 tập *L'Archéologie du delta du Mékong*, với 136 địa điểm của miền Tây sông Hậu và một tập về 167 địa điểm hạ lưu sông Tiền và Đông Nam Bộ. Với tác phẩm này, đặc biệt về hiện vật vàng, Malleret đã thống kê được 1311 di vật vàng với trọng lượng 1120 gram¹. Lê Thị Liên đã có nhiều công trình nghiên cứu về một số hiện vật vàng lá như trình bày một số ý nghĩa biểu tượng của những hình vẽ trên

các lá vàng ở Gò Tháp (Đồng Tháp) và Gò Xoài (Long An)². Ngoài ra, vàng lá còn được đề cập đến trong các công bố mang tính tổng hợp về di tích văn hóa Óc Eo nói chung (Võ Sĩ Khải, Đào Linh Côn, 1997; Bùi Chí Hoàng, 2018) và các công trình nghiên cứu về các di tích cụ thể thuộc văn hóa Óc Eo (Bùi Phát Diệm, Đào Linh Côn, Vương Thu Hồng, 2001; Đặng Văn Thắng, Võ Thị Huỳnh Như, 2012; Đặng Văn Thắng, Hà Thị Sương, 2013; Phạm Thị Ngọc Thảo, 2013; Đặng Văn Thắng, 2017). Những nghiên cứu này chủ yếu đề cập đến các hiện vật vàng lá trong khi đề cập đến các phát hiện khảo cổ. Phạm Thị Ngọc Thảo trong luận văn “Hiện vật vàng trong văn hóa Óc Eo” có đề cập đến loại hình hiện vật vàng lá, nhận dạng các nội dung trên vàng lá theo hình thức thể hiện: nhân thân, nhiên thân, hình người, linh thú và động vật, thảo mộc, vật thể, hình học, minh văn³. Lê Thị Liên trong công trình “Nghệ thuật Phật giáo và Hindu giáo ở đồng bằng Sông Cửu Long trước thế kỷ X” đã bước đầu nhận dạng các biểu tượng của Shiva trên vàng lá chủ yếu ở di tích Gò Tháp Đá Nổi và cho rằng “trong khi có nhiều biểu tượng được thể hiện khá rõ ràng để nhận dạng tính chất của Vishnu giáo thì tình hình không dễ dàng đối với các biểu tượng của Shiva”². Tác giả Đặng Văn Thắng cho

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Võ Thị Huỳnh Như, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: huynhnhu@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 20-3-2024
- Ngày sửa đổi: 22-6-2024
- Ngày chấp nhận: 12-9-2024
- Ngày đăng:

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Như V T H, Nga C T. Sự phát triển của Shiva giáo trong văn hóa Óc Eo: Điển cứu các biểu tượng trên hiện vật vàng lá. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; (0):1-11.

51 rằng vàng lá là giai đoạn sớm nhất của hình thức thể
52 hiện của Shiva và Vishnu trong văn hóa Óc Eo đồng
53 thời xác định những hình người trên hiện vật vàng lá
54 thể hiện nhân thân của thần Shiva⁴.

55 Kế thừa những kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi tiến
56 hành nghiên cứu lại toàn bộ các nội dung và ý nghĩa
57 của các hình chạm khắc trên các hiện vật vàng lá đã
58 tìm thấy thuộc về văn hóa Óc Eo đang lưu giữ ở các
59 bảo tàng các tỉnh ở Nam bộ Việt Nam. Trong bài viết
60 này, chúng tôi tập trung vào hình ảnh của thần Shiva.
61 Bảng phương pháp nghiên cứu các biểu tượng của Ấn
62 Độ giáo và phương pháp thống kê, chúng tôi muốn
63 làm rõ sự của Shiva giáo trong văn hóa Óc Eo và vương
64 quốc Phù Nam.

65 NỘI DUNG CHÍNH

66 Tổng quan về phát hiện và chức năng của 67 hiện vật vàng lá

68 Những di tích tìm thấy hiện vật vàng lá

69 Theo thống kê, cho đến hiện tại có 39 di tích tìm thấy
70 hiện vật vàng lá, phân bố ở các tỉnh: An Giang, Kiên
71 Giang, Trà Vinh, Tiền Giang, Đồng Tháp, Long An và
72 Đồng Nai.

73 Tỉnh An Giang

74 *Óc Eo*: thuộc địa phận xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn.
75 Đây là một quần thể cực lớn với qui mô 15x15km trải
76 dài từ sườn đông núi Ba Thê xuống cánh đồng Giồng
77 Cát – Giồng Xoài. Trong cuộc khai quật năm 1983, đã
78 tìm thấy tổng cộng 5 vàng lá trong các kiến trúc 83OE
79 – A5, 83OE – A7 và 83OE – GĐ1. Trong đợt khai quật
80 năm 2017, tại hố đào KT08, di tích Gò Sáu Thuận, tìm
81 thấy 40 mảnh vàng nhỏ và vụn.

82 *Đá Nổi*: thuộc địa phận ấp Hòa Tây B, xã Phú Hòa,
83 huyện Thoại Sơn. Được khai quật năm 1985 với 7
84 điểm di tích được các nhà khai quật đánh số 85ĐN –
85 M1 đến 85ĐN – M7. Số lượng vàng lá là 316 tiêu bản,
86 tại các điểm: 85ĐN – M2, 85ĐN – M4, 85ĐN – M4,
87 85ĐN – M5, 85ĐN – M7.

88 Tỉnh Kiên Giang

89 *Nền Chùa*: thuộc địa phận ấp 3, xã Tân Hội, huyện
90 Tân Hiệp (Kiên Giang). Di tích này được khai quật
91 hai lần vào năm 1982 và năm 1983. Tại 3 trong 19 phế
92 tích có xuất hiện 23 hiện vật vàng lá: 83NC – NC1,
93 82NC – PN1, 82NC – BCX6.

94 *Giồng Xoài*: thuộc địa phận ấp Sơn Hòa, xã Mỹ Hiệp
95 Sơn, huyện Hòn Đất. Qua các đợt khai quật từ 1996-
96 2002 đã phát hiện 2 kiến trúc gạch lớn, trong đó có
97 kiến trúc 02GX – KT1 là có 40 hiện vật vàng lá.

98 *Kê Một*: thuộc ấp Hiệp Hòa, xã Vĩnh Bình Bắc, huyện
99 Vĩnh Thuận, được khai quật năm 1990, tìm thấy 12
100 mảnh vàng lá.

101 Tỉnh Trà Vinh

Lưu Cù: thuộc xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú;
bao gồm nhiều di chỉ cư trú và kiến trúc cổ, trong đó
kiến trúc Lưu Cù II được khai quật năm 1986-1987,
tìm thấy 20 mảnh vàng vụn.

Tỉnh Tiền Giang

Gò Thành: thuộc ấp Tân Thành, xã Tân Thuận Bình,
huyện Chợ Gạo. Được khai quật năm 1988-1989, thu
được 106 mảnh vàng ở các kiến trúc: 88GT – M1,
88GT – M2, 89GT – M1, 89GT – M2, 89GT – M3,
89 GT – M4, 89GT – M5, 89GT – M6, 89GT – M7,
89GT – M8.

Tỉnh Đồng Tháp

Gò Tháp: thuộc Ấp 1, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười.
Nơi đây là một khu di tích lớn, được khai quật nhiều
lần từ năm 1984 đến 2020. Tìm thấy 321 mảnh vàng
lá và rất nhiều mảnh vụn vàng trong các dấu vết kiến
trúc: 84GTTS2 – A7 (M1), 84GTTS2 – A8 (M2),
93GT – M1, 93GT – M2, 93GT – M3, 93GT – M4,
93 GT – M5, 13GT – 10.

Tỉnh Long An

Gò Xoài: thuộc xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà.
Trong đợt khai quật năm 1987 tìm thấy 20 mảnh vàng
lá và nhiều mảnh vàng vụn.

Gò Trâm Quý: thuộc ấp Thuận Hòa, xã Hòa Khánh
Nam, huyện Đức Hoà. Trong đợt khai quật năm 1987
tìm thấy 50 mảnh vàng vụn.

Gò Hàng: thuộc địa phận xã Vĩnh Đại, huyện Vĩnh
Hưng. Trong đợt đào thám sát năm 1989 tìm thấy 1
mảnh vàng lá.

Tỉnh Đồng Nai

Di tích Rạch Đông: thuộc xã Hố Nai, huyện Thống
Nhất. Trong đợt khai quật năm 1992, tìm thấy 5 mảnh
vàng lá.

Ngoài các hiện vật được tìm thấy trong các di tích
kể trên, hiện nay ở Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ
Chí Minh còn lưu giữ một bộ sưu tập hiện vật gồm
72 mảnh vàng lá với nhiều kích thước khác nhau do
Malleret và Trường Viễn Đông Bác Cổ sưu tầm và
chuyển giao⁵.

Nhìn chung, các di tích tìm thấy vàng lá đều là
các di tích kiến trúc, đa số là bằng gạch, hiếm có
trường hợp bằng đá như kiến trúc 83OE – GĐ1 và
17.GST.H3.KT08 ở khu di tích Óc Eo. Phần lớn các
kiến trúc này là những kiến trúc có kết cấu khá đơn
giản. Có thể chia thành 2 nhóm kiến trúc:

Nhóm 1 gồm 36 kiến trúc đã phát hiện, chiếm số
lượng lớn các di tích có chứa vàng lá, là các kiến trúc
đơn giản, giai đoạn sớm, phần móng đơn giản, phần
nền gạch gồm ít lớp, số gạch đổ xung quanh di tích
không nhiều đủ để xây dựng một kiến trúc có dáng
cao. Có thể là những kiến trúc dạng *đền thờ ngoài
trời* (Hypaethral Temple). Nhóm này có kết cấu kiến
trúc được mô tả là: kích thước nhỏ/ hình vuông hoặc

155 hình chữ nhật/ bên ngoài có thể có xây kè một tường
 156 bao thấp bằng gạch. Phần tìm thấy hiện vật là phần
 157 trụ giới, các mảnh vàng lá nằm ở đáy của kiến trúc,
 158 có khi nằm lẫn trong lớp than tro, bên trên có lớp cát,
 159 gạch,... Cũng vì những đặc điểm này mà nhiều nhà
 160 nghiên cứu cho rằng đây là những ngôi mộ⁶. Tuy
 161 nhiên, những nghiên cứu gần đây cho thấy rõ chức
 162 năng tôn giáo của những kiến trúc này. Số lượng hiện
 163 vật vàng lá tìm thấy trong nhóm kiến trúc này chiếm
 164 số lượng lớn hơn so với số tìm thấy trong nhóm kiến
 165 trúc 2, khoảng 851 mảnh, bao gồm cả những mảnh
 166 vàng vụn. Nhóm này có niên đại sớm, vào khoảng
 167 thế kỷ IV – VI.
 168 Nhóm 2 bao gồm các kiến trúc có kết cấu phức tạp
 169 hơn, bố cục rõ ràng hơn và đều là các kiến trúc dạng
 170 tháp xây cao hoàn chỉnh. Cho đến hiện tại có 3 di
 171 tích, gồm Gò Trâm Qùy, Gò Xoài và Lưu Cù, kết cấu
 172 kiến trúc có phần tiền sảnh, sân trước và cổng. Các
 173 hiện vật vàng lá trong các di tích này thường được tìm
 174 thấy ở khu vực linh thiêng của kiến trúc – thường là vị
 175 trí 2/3 chiều dài đồng tây của kiến trúc chính. Nhóm
 176 này có số lượng hiện vật vàng lá ít hơn, trong khi các
 177 vật thờ ở dạng tiểu tượng (linga, linga – yoni), tượng
 178 thần bằng nhiều chất liệu khác nhau (đá, kim loại, đất
 179 nung) trở nên phổ biến hơn. Trong ba di tích này, chỉ
 180 có vàng lá ở Gò Xoài là có kích thước tương đối, thể
 181 hiện nội dung rõ ràng, trong khi ở hai di tích còn lại
 182 đều là các mảnh vụn vàng, Gò Trâm Qùy (50 mảnh),
 183 Lưu Cù (20 mảnh). Niên đại của nhóm này tương đối
 184 muộn, vào khoảng thế kỷ VII – VIII trở đi.

185 **Chức năng của hiện vật vàng lá**

186 Các báo cáo đã công bố trước đây cho rằng các kiến
 187 trúc thuộc nhóm một là những ngôi mộ hay mộ táng
 188 với giả định rằng tro là dấu vết của việc hỏa táng, do
 189 đó, các hiện vật vàng lá được xem như là các đồ tùy
 190 táng, chôn theo người chết⁷. Tuy nhiên, những năm
 191 gần đây, hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng
 192 nó là các công trình liên quan đến tôn giáo, cụ thể
 193 là các đền thờ Ấn Độ giáo và vàng lá là những hiện
 194 vật thiêng được dâng cúng cho thần linh⁸.
 195 Vàng là một kim loại quý hiếm được sử dụng từ thời
 196 đại đồng đá, có màu sáng, mềm, dẻo, dễ dát mỏng,
 197 uốn; vàng không bị ăn mòn bởi axit hoặc kiềm và
 198 không dễ bị ăn mòn bởi môi trường ẩm ướt. Vì vậy,
 199 vàng và các hợp kim của nó thường được dùng để chế
 200 tạo đồ trang sức, tiền kim loại và có ý nghĩa đặc biệt
 201 trong quan điểm của con người từ xưa đến nay.
 202 Theo truyền thống, vàng được coi là quý nhất trong
 203 các kim loại, là loại kim loại hoàn hảo. Người Ấn Độ
 204 cho rằng vàng là ánh sáng khoáng chất. Vàng có tính
 205 chất lửa, thuộc về mặt trời, để vương và thần thánh.

Vàng là sản phẩm của sự thai nghén lâu dài của một
 206 phôi, hay là sự biến đổi, sự hoàn thiện của các kim
 207 loại thông thường. Thuật giả kim chỉ là hoàn tất, thúc
 208 nhanh sự chuyển đổi tự nhiên. Theo như Najarjuna
 209 (một trong những luận sư vĩ đại nhất của lịch sử Phật
 210 giáo), đất sét có thể chuyển đổi thành vàng và theo
 211 Shri Ramakrishna, vàng và đất sét chỉ là một⁹.
 212 Vàng còn là biểu tượng của trí thức, đây là bản chất
 213 dương. Các tu sĩ Hindu cho rằng vàng là sự bất tử.
 214 Thần Vishnu thường được thể hiện trong trang phục
 215 màu vàng và quả trứng vũ trụ của Brahma lông lánh
 216 như vàng. Nữ thần Lakshmi xuất hiện trong hình
 217 dạng một nữ thần xinh đẹp với màu da vàng. Bà
 218 thường bận trang phục với màu sắc đỏ và vàng, thể
 219 hiện sự sung túc thịnh vượng. Bốn cánh tay của Lak-
 220 shmi đại diện cho 4 mối bận tâm lớn nhất của đời
 221 người: sự công bằng, lòng ham muốn, của cải sung túc
 222 và sự giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Trên những bàn
 223 tay của nữ thần Lakshmi thường chảy ra những đồng
 224 tiền vàng quý giá mà nữ thần ban tặng cho những kẻ
 225 cầu khẩn bà. Frazer nhấn mạnh rằng ở Ấn Độ, con
 226 dao bằng vàng được dùng trong lễ lớn giết ngựa tế
 227 thần vì vàng là anh sáng và chính nhờ có ánh sáng
 228 vàng mà con vật hiến tế lên được đến vương quốc của
 229 các vị thần⁹.
 230
 231 Thật ra, những mảnh vàng lá có trang trí hình ảnh
 232 như thế này không phải là đặc điểm riêng của các di
 233 tích ở khu vực đồng bằng sông Mê Kông. Trên thực
 234 tế, chúng khá phổ biến trong toàn bộ Đông Nam Á, và
 235 chúng cũng đã được tìm thấy ở một số địa điểm của
 236 Nam Á, ví dụ ở Ấn Độ: ở Papanasi, Andhra Pradesh;
 237 ở Gokul, Tây Bengal; ở Sahagrawa, Nepal; và ở một số
 238 di tích ở Sri Lanka. Các địa điểm này đều được ghi
 239 nhận là các dạng đền thờ cổ, và những hiện vật vàng
 240 lá được sử dụng như là một phần của nghi lễ hiến tế.
 241 Chúng thường được đặt trong một trụ gạch, thường là
 242 trong các hố dưới bệ của vị thần chính, nhưng đôi khi
 243 cũng được đặt trong các bức tường hoặc trong phần
 244 kiến trúc trên mặt đất. Các hiện vật được đặt trong
 245 hố trong thời gian xây dựng như là một yếu tố quan
 246 trọng của một nghi lễ thờ cúng trong đền thờ thần¹⁰.
 247 Các hiện vật được làm bằng vàng hoặc vàng lá, chúng
 248 được chôn cùng với đá quý, hạt giống và cây trồng
 249 trong việc thực hiện nghi lễ Shilanyas, tức nghi lễ đặt
 250 những viên gạch đầu tiên cho một ngôi đền. Hiện
 251 nay, nghi lễ này vẫn được duy trì và thực hiện cho
 252 cả các công trình kiến trúc lớn. Đầu tiên, người ta
 253 đào một 1 hố vuông, trong hố vuông này lại đào một
 254 hố vuông nhỏ, trong hố nhỏ đặt 4 viên gạch theo các
 255 hướng đông nam, đông bắc, tây nam và tây bắc tạo
 256 thành một học gạch, bên trong học gạch có cát và các
 257 là vàng (ngày nay là bạc), đá quý, hạt chuỗi thủy tinh,
 258 viên gạch thứ 5 được đặt lên phía trên học gạch; người

259 ta làm các nghi lễ với chúng rồi đổ xi măng và vữa lên
 260 trên, lại đổ thêm nước rồi đắp đất lại¹¹. Hình thức
 261 này rất giống với những kiến trúc được xem là mộ ở
 262 văn hóa Óc Eo, sự khác nhau là thay vì một lớp gạch
 263 thì là dạng một cột gạch được xây với nhiều lớp gạch,
 264 xi măng và vữa được thay bằng bùn và gạch vụn.
 265 Hiện vật vàng lá trong văn hóa Óc Eo thường được
 266 tìm thấy trong hố thiêng của kiến trúc. Hố thiêng
 267 là tên gọi để chỉ một di tích có bình đồ vuông hoặc
 268 chữ nhật nằm trong lòng nền móng kiến trúc Ấn Độ
 269 giáo; vách hố có thể được xây bằng gạch và lấp đầy bởi
 270 cát sạch, đá, gạch... còn được gọi bằng nhiều tên gọi
 271 khác nhau, như “hộp vuông”, “kiến trúc hình vuông”,
 272 “giếng vuông”, “hố chứa kho thiêng”¹². Các lá vàng
 273 thường được nằm trộn lẫn trong lớp cát trắng tinh
 274 khiết ở lớp dưới cùng của hố thiêng, kết quả khai
 275 quật cho thấy lớp các này được cố ý đặt vào, không
 276 phải hiện tượng cát bên ngoài rơi vào hố. Lớp cát
 277 trắng hoặc vàng tinh khiết được phủ lên các lá vàng
 278 và những hiện vật khác được đặt vào trong hố, khác
 279 với cát hoặc đất được sử dụng để lấp miệng hố là một
 280 đặc điểm quan trọng của các vật dâng cúng tại các
 281 đền thờ ở Đông Nam Á. Các hiện vật quý trong số các
 282 đồ vật dâng cúng cũng được tìm thấy, ví dụ, Angkor
 283 Vat và Vat Athvea ở Campuchia, Candi Vishnu và các
 284 đền thờ ở miền Trung Java, các di tích Bongkissam
 285 ở Sarawak, Kalimantan, và đền thờ của Đại Hữu ở
 286 Quảng Bình, Việt Nam¹⁰.
 287 Cuối cùng, vấn đề gây khó khăn cho giới nghiên cứu
 288 khi xác định tính chất của các kiến trúc Óc Eo là việc
 289 tìm thấy than tro trong hố thiêng. Vì ở Việt Nam,
 290 lượng than, tro này chưa được phân tích cụ thể để
 291 kết luận là tro của con người hay động vật, thực vật
 292 khác. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đây là lớp tro
 293 người hỏa táng, và các công trình kiến trúc này là các
 294 ngôi mộ gạch. Một số khác căn cứ vào việc so sánh
 295 với các kiến trúc tương tự ở Ấn Độ cổ đại và các nội
 296 dung mà các di vật tìm thấy trong kiến trúc để cho
 297 rằng, đây là kiến trúc liên quan đến tôn giáo. Điều này
 298 tương tự như trường hợp ở Java, các đền thần cổ được
 299 cho là mộ táng với tro của con người cho đến khi có
 300 các phân tích hóa học than tro đó cho thấy chúng có
 301 nguồn gốc từ động vật, dẫn đến kết quả lý thuyết mộ
 302 táng bị bác bỏ¹⁰. Tuy nhiên, các văn bản cổ Ấn Độ liệt
 303 kê vật thiêng thánh hiến lại không bao gồm tro xương
 304 động vật, đồng thời cũng không có bất kì vật thiêng
 305 thánh hiến nào phát hiện tại Ấn Độ có chứa than tro
 306 động vật¹³. Sự xuất hiện của than tro động vật trong
 307 các hố thiêng chứa đựng vật thiêng thánh hiến tại các
 308 di tích Óc Eo, Champa và Indonesia được cho là thể
 309 hiện một truyền thống mang tính chất địa phương,
 310 phổ biến trong xây dựng đền tháp trong một số khu
 311 vực nhất định của Đông Nam Á¹².

Như vậy có thể thấy các hiện vật vàng lá có chức năng
 là vật hiến tế trong một nghi lễ tôn giáo, không phải
 là đồ tùy táng và các kiến trúc tìm thấy các hiện vật
 này là các công trình liên quan đến tôn giáo (đền thờ,
 stupa) chứ không phải là mộ.

Những biểu tượng mang tính chất Shiva giáo trên các lá vàng

Giáo phái Shiva hay Shiva giáo (Saivism, Shivaism) là một trong những giáo phái chính trong Ấn Độ giáo, tôn sùng Shiva là Đấng tối cao¹⁴. Đây là một trong những giáo phái lớn nhất mà Shiva, được tôn thờ như đấng sáng tạo và hủy diệt thế giới, là vị thần tối cao đứng trên tất cả. Giáo phái Shiva có nhiều tín ngưỡng, từ hữu thần nhị nguyên như Shaiva Siddhanta đến vô thần nhất nguyên định hướng yoga như giáo tông Shaiva Kashmir. Giáo phái này coi các kinh sách của cả Veda và Agama là cơ sở thần học quan trọng. Nguồn gốc của giáo phái Shaiva có thể bắt nguồn từ khái niệm về Rudra trong Rig Veda¹⁵. Từ Ấn Độ, Shiva giáo được truyền sang Đông Nam Á và trở thành giáo phái có ảnh hưởng lớn văn hóa Đông Nam Á.

Vàng lá được xem như là “phương tiện thể hiện sớm nhất và dễ chuyển tải nhất trong sự phát triển của các hình thức nhân dạng và sự kết hợp của các biểu tượng Hindu giáo”¹⁶. Trên các lá vàng, thần Shiva ít được thể hiện dưới dạng nhân thân, chỉ có 7 tiêu bản ở di tích Đá Nổi, An Giang, tính chất Shiva giáo được thể hiện thông qua các linh vật và vật cưỡi của thần Shiva: linga, đinh ba, bò thần Nandi, mặt trăng khuyết,... Tất cả đều chỉ được tìm thấy 3 di tích Đá Nổi, Nền Chùa và Gò Tháp, thuộc nhóm kiến trúc 1, nhóm các kiến trúc đơn giản, có niên đại sớm.

Thần Shiva thể hiện dưới dạng nhân thân

Những hình khác thể hiện Shiva dưới dạng nhân thân không nhiều và chưa được sự thống nhất của các nhà khoa học. Hình ảnh 7 người đàn ông trong tư thế đứng phát hiện ở Đá Nổi được cho là thể hiện thần Shiva (trên các hiện vật có ký hiệu 85ĐN.M3:11, 85ĐN.M3:12, 85ĐN.M3:13, 85ĐN.M3:14, 85ĐN.M3:16, 85ĐN.M3:17, 85ĐN.M3:18)⁴. Những người đàn ông này được thể hiện đứng thẳng, bàn chân hơi chếch vào ở phần gót, tạo thành chữ V; hai tay nâng ngang ngực, trong tay có cầm vật không xác định được; mặc cùng kiểu trang phục, phần trên ôm vào người, phần dưới giống một loại quần dài với những đường nếp vải nổi song song (Hình 1). Những đặc điểm nhận dạng thấy rõ có thể là phần đầu với mái tóc bông bênh đặc trưng của Shiva và phần hào quang phía sau đầu

362 thần tương tự như hình ảnh Shiva trên các đồng
 363 tiền Kushan và phần dưới được thể hiện có những
 364 đường vạch song song (Hình 2). Trong đó, hiện vật
 365 có ký hiệu 85ĐN.M3:18, người đàn ông được thể
 366 hiện cùng với một ký tự được đọc là ‘Sramghora, với
 367 phần Ghora phía sau có nghĩa là “khùng khiếp, ghê
 368 gớm”, được cho là những từ cũng được dùng để chỉ
 369 thần Siva¹⁷.



Hình 1: Hình ảnh thần Shiva (?) trên hiện vật có ký hiệu 85.ĐN.M3:14 (Nguồn: Bảo tàng An Giang)

370 Linga

371 **Linga – Yoni:** 5 tiêu bản được tìm thấy ở Đá Nổi (1
 372 tiêu bản) và Gò Tháp (4 tiêu bản). Linga sơ khai nhất
 373 được phát hiện trên các lá vàng ở Gò Tháp. Linga có
 374 cấu tạo 2 phần: phần đầu nhọn và to dần xuống dưới;
 375 đặc biệt trên một lá vàng, dưới chân linga có một hàng
 376 chữ nhật nhỏ. Hình dạng linga phát triển hơn với
 377 linga hình trụ đặt trên bệ thờ ba bậc thể hiện cùng
 378 với một vắng trăng khuyết trên lá vàng 85ĐNM5-10
 379 ở Đá Nổi. Cấu trúc phức tạp hoàn chỉnh nhất chính
 380 là bệ thờ gắn điêu khắc linga vàng đặc trong phế tích
 381 85ĐN-M2. Linga là một trong những biểu tượng của
 382 thần Shiva – dương tính và năng lực sáng tạo, hay
 383 nói cách khác thì linga chính là bản thân thần Shiva.
 384 Ngoài ra, linga còn tượng trưng cho chiếc cột chống
 385 đỡ vũ trụ và của ngọn núi Meru huyền thoại.



Hình 2: Hình ảnh Shiva trên đồng vàng thời vua Kanishka III, cuối thế kỷ II, đầu thế kỷ III CN (Nguồn: B.N. Mukherjee)¹⁸

Đinh ba

Đinh ba: thể loại vũ khí của Siva thường thấy nhất, ba đầu nhọn của đinh ba tượng trưng cho ba yếu tố quan trọng của thời gian là: quá khứ – hiện tại và tương lai. Đã tìm thấy tổng cộng 15 tiêu bản, trong đó phát hiện tại Đá Nổi (11 tiêu bản), Nền Chùa (1 tiêu bản) và Gò Tháp (3 tiêu bản). Đinh ba trên các vàng lá được thể hiện với nhiều dạng, từ các hình vẽ thể hiện bằng những đường khắc đơn giản nhất ở Gò Tháp (93.GT.M5.50) đến Vajra kép và các hình Vajra có cán và có cả chốt ngang ở Đá Nổi. Các hình đinh ba gồm hai loại: kiểu đinh ba đầu nhọn được cách điệu giống hình ngọn lửa, chuỗi hình bắp chuối. Kiểu đinh ba khác có hình giống cái chia ba, với ngành giữa thẳng nhọn, hai ngành bên cong đều và đối xứng nhau qua ngành giữa. Kiểu hình đinh ba này thường được chạm cùng các hình bò, rắn, ốc và bánh xe... Riêng chiếc đinh ba tìm thấy trong mộ 82NC-BCX-6 tại Nền Chùa được chạm cùng với hình người. Hiện vật 85.ĐN. M3.20 (Hình 3) thể hiện một đinh ba có một đầu chia ba và phần cán dài hình trụ, trên thân có phần lưới nhỏ, bên cạnh có ký tự to, tương tự như vậy có mảnh vàng 85.ĐN.M3.19, nhưng phần cán cũng được tạo hình búp nhọn, phần lưới liềm ở giữa thân to hơn trong khi phần ký tự nhỏ hơn.

Bò thần Nandi

Bò Nandi: có 63 tiêu bản đã được phát hiện ở các di tích gồm Đá Nổi (34 tiêu bản), Nền Chùa (3 tiêu bản), Giồng Xoài (20 tiêu bản), Kè Một (1 tiêu bản) và Gò Tháp (5 tiêu bản). Hình bò thần Nandi trên vàng lá được thể hiện với phần bướu nổi bật, và sừng cong nhọn, đặc trưng của một loại bò ở Ấn Độ, phần biết



Hình 3: Lá vàng có đỉnh ba ở Đá Nổi (Nguồn: Bảo tàng An Giang)



Hình 4: Lá vàng có bò thần Nandi ở Đá Nổi (Nguồn: Bảo tàng An Giang)

418 với giống bò nhà bản địa khu vực Nam Bộ được mô tả
419 không có bướu (Hình 4). Bò Nandi thường kèm nhiều
420 hình khác như tháp thờ, bánh xe, Garuda, bông sen,
421 ốc xoắn, đỉnh ba, trăng khuyết, rắn Naga nhiều đầu...
422 Hiện vật 85.M4.96 thể hiện bò trong tư thế đứng cùng
423 với bánh xe, hoa sen và ốc tù và; 85.M4.52 bò thể hiện
424 trong tư thế nằm, đầu ngẩng cao và có hình ốc trên
425 lưng bò. Đôi khi bò được thể hiện thành nhóm 2 con
426 (13GT.H10TTLm), hoặc với phần bụng to như đang
427 mang thai (BTKG.782, BTKG.858), hoặc bò không có
428 bướu (tất cả hình bò ở Giồng Xoài), những đặc điểm
429 này có lẽ xuất phát từ hình mẫu bò bản địa hơn là liên
430 quan đến Nandi.

431 **Minh văn**

432 Trên một số lá vàng ở Đá Nổi, có các ký tự có liên
433 quan đến Shiva giáo. Hiện vật có ký hiệu 85ĐN.M3:18

Được các nhà nghiên cứu đọc là ‘Sramghora, trong đó 434
chữ đầu ‘Sram không rõ nghĩa, phần thứ hai Ghora 435
có nghĩa là “khùng khiếp, ghê gớm”, được cho là 436
những từ cũng được dùng để chỉ thần Siva. Hiện 437
vật 85ĐN.M3:23 Vrasabha, có thể là dạng viết không 438
chuẩn của từ Vrsabha có nghĩa là bò đực, vật cưỡi của 439
thần Shiva. Những mẫu tự này là dạng chữ Brahmi cổ 440
vùng Nam Ấn, sử dụng phổ biến trong khoảng thế kỷ 441
IV – VI. Những mẫu tự này kết hợp với các biểu tượng 442
khác làm nổi bật yếu tố Shiva giáo của di tích¹⁷. 443

444 **Các biểu tượng khác có khả năng liên quan** 445 **đến thần Shiva**

Mặt trăng khuyết: 30 tiêu bản, được phát hiện tại 446
Đá Nổi (27 tiêu bản) và Gò Tháp (3 tiêu bản). Ở Đá 447
Nổi, ngoài một lá vàng chạm riêng hình trăng khuyết, 448
26 lá vàng còn lại thì hình trăng khuyết được chạm ở 449
phía ngoài của lá vàng, được chạm cùng những hình 450
khác như các vị thần, bánh xe, tháp hay bò. Trong 451
Ấn Độ giáo, mặt trăng được nhìn thấy trên trán của 452
thần Shiva. Vầng trăng khuyết tượng trưng cho thời 453
gian, sự bắt đầu với trăng non, đến trăng tròn và kết 454
thúc với trăng lưỡi liềm cũng ở hình dạng mảnh trăng 455
khuyết, vì vậy nó đại diện cho sự tuần hoàn của thời 456
gian. Thần thoại Hindu có kể về chuyện thần Shiva 457
dùng sức mạnh của mình để tạo ra trăng khuyết nhằm 458
giúp thần mặt trăng Chandra (cũng là Soma) giảm bớt 459
nguyên rủa, từ đó thần Shiva mang trăng khuyết trên 460
trán mình. Thời gian là tuần hoàn cũng có nghĩa khác 461
là vô tận, thần Shiva với biểu tượng mặt trăng khuyết 462
là người kiểm soát thời gian và đứng ngoài thời gian. 463
Một số quan điểm khác cho rằng mặt trăng đại diện 464
cho tính âm và là yếu tố tạo nên sự màu mỡ, sự sinh 465
sôi, nảy nở; thần Shiva là người làm chủ, ban phát sự 466
màu mỡ, sự sống cho trái đất. 467

Mặc dù biểu tượng mặt trăng khuyết gắn liền với thần 468
Shiva nhưng vị thần Mặt Trăng Chandra (Soma) cũng 469
được thể hiện với trăng khuyết, vì vậy, chưa thể kết 470
luận chắc chắn rằng những biểu tượng trăng khuyết 471
trên vàng lá là biểu tượng của thần Shiva. Tuy nhiên, 472
dựa theo những biểu tượng được thể hiện cùng như 473
bánh xe (biểu tượng Vishnu), tháp, bò (biểu tượng 474
của thần Shiva), có lẽ những vầng trăng khuyết này 475
liên quan đến Shiva giáo nhiều hơn. Trên lá vàng 476
85ĐN.M5.10 ở Đá Nổi, vầng trăng khuyết thể hiện 477
cùng với linga hình trụ đặt trên bệ thờ, có lẽ đều là 478
những biểu tượng của Shiva giáo. 479

Bình nước/Kamandalu: Nước trong kamandalu đại 480
diện cho amrita – thuốc trường sinh, do đó, nó là 481
biểu tượng của khả năng sinh sản, cuộc sống và sự 482
giàu có. Kamandalu thường được miêu tả trong tay 483
các vị thần, những người có vẻ ngoài khổ hạnh, như 484

485 Shiva và Brahma và cả các vị thần nước như Varuna,
486 Ganga và Saraswati¹⁹. Có 5 lá vàng chạm, khắc hình
487 bình nước trong đó có 4 tiêu bản được tìm thấy ở
488 Gò Tháp và 1 tiêu bản ở Đá Nổi. Hiện vật có ký hiệu
489 84.GT.M1.15 thể hiện một bình nước có vòi kundika;
490 trong khi mảnh có ký hiệu 93.GT.M5.37 thể hiện bình
491 nước có thân hình oval, đế chân cao và loe. Hai tiêu
492 bản khác ở Gò Tháp được thể hiện cùng với những
493 biểu tượng khác; mảnh vàng 93.GT.M4.3 thể hiện
494 một bình có chân đế, miệng loe, một bánh chakra và
495 một hình khắc chưa nhận dạng được; tương tự, mảnh
496 vàng 93.GT.M4.24 thể hiện một bình hình cầu và một
497 chakra. Tiêu bản ở Đá Nổi ký hiệu 85.ĐN.M2.18 thể
498 hiện một bình hình cầu có vòi, chân đế cao và phần
499 vành miệng răng cưa.

500 **Mruga (hươu)**

501 Hươu biểu thị sự bốn chồn. Tâm trí chúng ta bốn
502 chồn khi có nhiều suy nghĩ. Shiva, bằng cách ôm
503 con nai đang bốn chồn, dạy chúng ta chế ngự tâm trí,
504 bình tĩnh và làm việc trong hòa bình. Do vậy, đôi khi
505 trường hợp Shiva được thể hiện đang nắm một con
506 hươu/ nai hoặc linh dương. Trên các đồng tiền dập
507 thời Kushan, điều này được thể hiện rất nhiều lần²⁰.
508 Trong văn hóa Óc Eo, hươu được thể hiện trên 3 hiện
509 vật ở Đá Nổi và một hiện vật ở Nền Chùa. Tuy nhiên
510 trong đó, hình khắc nai con đang bú mẹ trên hiện
511 vật 85.M4.48 không liên quan đến Shiva giáo. Vàng
512 lá 85.M2.46 thể hiện hươu với sừng dài hơi xoắn ra
513 hai bên trong tư thế đang đứng, 85.M2.102 thể hiện
514 hươu, sừng ngắn đang đứng với bông sen nở. Ngoài
515 ra, còn có hiện vật 93.ĐT.M3.15 thể hiện một động
516 vật có sừng dài và nhọn trong tư thế cúi đầu bằng
517 những đường nét khắc vạch đơn giản, tương tự như
518 con linh dương.

519 **Sự phát triển của Shiva giáo ở trong văn hóa**

520 **Óc Eo**

521 Ấn Độ giáo được du nhập vào vùng đồng bằng Nam
522 Bộ từ khá sớm, cụ thể là từ đầu công nguyên, dấu
523 tích chưa rõ ràng, chưa có sự phân chia giáo phái rõ
524 rệt. Trong khu vực Đức Hòa tỉnh Long An, trong
525 di tích Gò Cao Su, một di tích có niên đại kéo dài
526 từ thời tiền sử, đã tìm thấy những hiện vật tương tự
527 như phác vật linga – vật thiêng trong Ấn Độ giáo ở
528 độ sâu 0.75m bằng sa thạch, có lẽ còn đang chế tạo
529 đang dở, nếu điều này là đúng thì đây là chiếc linga
530 sớm nhất Việt Nam hiện được biết đến và Ấn Độ giáo
531 được truyền bá vào Việt Nam từ rất sớm, có thể là
532 từ trước công nguyên²¹. Giai đoạn này, những linga
533 được thờ phụng này được thể hiện ở dạng *linga hiện*
534 *thực*, thường có kích thước lớn, dạng trụ tròn. Theo
535 thống kê, đã có 9 linga dạng này được phát hiện ở

Nam bộ, phân bố ở khu vực Óc Eo, Bảy Núi (An Gi- 536
ang), Đức Hòa (Long An) và Nhơn Nghĩa (Cần Thơ). 537
Thời kỳ này, Ấn Độ giáo vẫn còn mang “nhiều yếu tố 538
nguyên thủy của Bà La Môn giáo với việc thờ Sivalinga 539
phổ biến dưới dạng hình thức sinh thực khí nam. Sự 540
xuất lộ của những hiện vật này với kích thước khá đồ 541
sộ ở những di tích lớn cho thấy trong thời kỳ này tín 542
ngưỡng Shiva giáo chiếm vai trò quan trọng và có thể 543
là trung tâm tôn giáo của các vùng dân cư”²². Có 544
ý kiến khác còn cho rằng niên đại của các linga hiện 545
thực này còn sớm hơn nữa, ở vào khoảng thế kỷ II 546
trước công nguyên⁴. Như vậy, rõ ràng là tín ngưỡng 547
thờ linga mang đậm tính chất phồn thực, phù hợp với 548
tín ngưỡng bản địa, tín thờ đá và tín ngưỡng phồn 549
thực, được tiếp nhận dễ dàng hơn ở giai đoạn đầu tiên. 550
Giai đoạn hai của sự phát triển của Ấn Độ giáo ở Óc 551
Eo nói riêng và Đông Nam Á được cho là nổi bật với 552
sự lan rộng và củng cố của Vishnu giáo ở khu vực phía 553
nam Đông Dương và Đông Nam Á hải đảo, cũng như 554
sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Shiva giáo ở khu vực phía 555
bắc Campuchia và Champa vào khoảng thế kỷ V^{22,23}. 556
Bia ký ở Indonesia và bia K5 (Đông Tháp) minh chứng 557
rõ ràng cho sự công nhận của những người cầm quyền 558
đối với giáo phái này. Vào khoảng năm 1878-1879, 559
một minh văn Phạn ngữ tìm thấy tại chùa Prasat Pram 560
Loven (Gò Tháp) được đưa về tỉnh lỵ Sa Đéc, sau đó 561
chuyển về Bảo tàng Sài Gòn năm 1928, được G. Co- 562
edes công bố trong tác phẩm *Hai bia ký chữ phạn ở* 563
Phù Nam (Deux inscriptions Sanskrites de Fou-nan) 564
vào năm 1931. Bản văn bia được ký hiệu (K.5), khắc 565
trên trụ cửa phiến thạch có chốt (1,90m x 0,92m x 566
0,23m). Văn bia gồm 22 dòng chữ Khmer cổ (old 567
Khmer) chia làm hai cột. Nội dung nói về việc vua 568
Phù Nam là Jayavarman cử thái tử Gunavarman đến 569
cai quản xứ sở sùng đạo chinh phục từ đẫm lấy, đồng 570
thời bia còn nhắc đến việc thái tử dâng cúng hai bàn 571
chân thần Vishnu để cầu mong sự che chở và bảo vệ 572
của thần, ngôi đền được tôn vinh là “*nơi ngự trị tối* 573
thượng của Vishnu”; đồng thời cũng nhắc đến cụ thể 574
tên của một trong số những truyền thống lâu đời của 575
Vishnu giáo – truyền thống/chủ nghĩa Bhagavata²⁴. 576
Truyền thống Bhagavata còn được gọi là chủ nghĩa 577
Bhagavat, để cập đến một giáo phái tôn giáo cổ xưa 578
phi Vệ Đà có nguồn gốc từ vùng Mathura. Sau khi 579
có sự đồng bộ với truyền thống Bà La Môn giáo của 580
Vishnu, đạo Bhagavat đã trở thành một truyền thống 581
toàn Ấn Độ vào thế kỷ II trước Công nguyên, đồng 582
thời bia ký cũng nói đến “*Vishnupada*” tức hình thức 583
thờ cúng dấu chân của thần Vishnu. 584

Một bia ký khác (K.875), từ phần phía nam của tỉnh 585
Takèo ở Campuchia và cũng được Coedès cho là 586
thuộc giai đoạn Phù Nam, để cập đến một nữ hoàng 587
tên là Kulaprabhavati và việc thành lập một ấn thất 588

589 của bà đường như dành riêng cho Vishnu²⁴. Cả hai
 590 văn khắc này, gắn liền với thể chế Phù Nam, đều
 591 liên kết với Vishnu trong bối cảnh thực thi quyền lực
 592 hoàng gia. Những bức tượng Vishnu bốn tay, hầu hết
 593 có niên đại từ thế kỷ V cũng là những bức tượng thờ
 594 các vị thần Hindu nhân dạng sớm nhất ở Đông Nam
 595 Á, đến thế kỷ VII đã được tìm thấy trên khắp vùng
 596 ven biển Đông Nam Á: ở bán đảo Thái Lan, phía tây
 597 Java, tại địa điểm Kota Kapur ở tỉnh Nam Sumatra
 598 (đảo Bangka) và ở thung lũng sông Mê Kông thuộc
 599 miền nam Campuchia và Việt Nam ngày nay. Riêng
 600 khu vực nam Campuchia và Việt Nam đã bao gồm
 601 hơn ba mươi tác phẩm điêu khắc. Ngược lại, chỉ có
 602 một hình ảnh trước thế kỷ IX của Vishnu, Vishnu của
 603 Kompong Cham Kau (tỉnh Stung Treng), được cho là
 604 có nguồn gốc từ miền bắc Campuchia^{23,24}.

605 Ở khu vực Nam bộ cũng đã phát hiện những tượng
 606 thần Vishnu có niên đại sớm như là tượng có ký hiệu
 607 BTL5 5529 (Vishnu Ba Thê) tìm thấy ở Gò Cây Thị
 608 B, mang những đặc điểm của tượng Vishnu Ấn Độ,
 609 tượng mang phong cách Vāsudeva-Krishna, có niên
 610 đại cuối thế kỷ V, đầu thế kỷ VI^{25,26}.

611 Như vậy, những phát hiện khảo cổ cho đến nay cho
 612 thấy rằng ở khu vực Nam Bộ, có sự công nhận của
 613 nhà cầm quyền đối với Vishnu giáo, hàng loạt các hiện
 614 vật mang biểu tượng Vishnu giáo như tượng tròn, con
 615 dấu, bùa đeo, vàng lá, ... Tuy vậy, điều này không có
 616 nghĩa là Shiva giáo hoàn toàn biến mất, mà vẫn có
 617 những bằng chứng cho sự tồn tại của giáo phái này
 618 trong khu vực Nam Bộ như là các linga, linga-yoni
 619 bằng nhiều chất liệu, đồ trang sức, phù điêu. Trên
 620 hiện vật vàng lá, các biểu tượng của Vishnu giáo xuất
 621 hiện 201 lần thì biểu tượng của Shiva giáo cũng chiếm
 622 102 lần. Đặc biệt, một điểm độc đáo có thể dễ dàng
 623 nhận thấy: biểu tượng của Shiva cùng với biểu tượng
 624 của Vishnu cùng tồn tại trên một hiện vật vàng lá.
 625 Ở nhiều hiện vật, các biểu tượng của Vishnu giáo và
 626 Siva giáo được thể hiện kết hợp với nhau (tại các
 627 di tích 85ĐN.M5, 93GT.M1, 93GT.M4, 93GT.M5,
 628 93GT.M3): kết hợp sen – ốc – trắng khuyết – quả cầu
 629 – đỉnh ba – thông lọng – mũi tên – cành lá – mặt trời
 630 chạm cùng hình người; hình bò kết hợp với bánh xe,
 631 con ốc, rắn (Hình 5), mặt trăng khuyết chạm riêng
 632 hay chỉ là đề tài phụ, chạm cùng các đề tài chính khác
 633 như ốc, bánh xe, bò, tháp (Hình 6). Đạo Shiva còn
 634 được tôn thờ dưới hình thức một hòn đá Linga, khá
 635 phổ biến vào thế kỷ thứ 5 sau Công nguyên²⁷. Thậm
 636 chí có ý kiến cho rằng trong Phù Nam phát triển, Shiva
 637 là vị thần tối cao của Ấn Độ giáo, Vishnu và Đức Phật
 638 là vị thần thứ hai²⁸.

639 Trong khi Shiva giáo duy trì sự hiện diện bên cạnh sự
 640 nở rộ của Vishnu giáo thì ở khu vực phía bắc Cam-
 641 puchia, vùng Lào và Champa là một quá trình có tính



Hình 5: Lá vàng có hình bò, hoa sen, ốc, bánh xe ở Đá Nổi (Nguồn: Bảo tàng An Giang)



Hình 6: Lá vàng có hình lợn, hoa sen, ốc, mặt trăng, bánh xe ở Đá Nổi (Nguồn: Bảo tàng An Giang)

642 chất đối lập, Shiva giáo chiếm ưu thế trong khu vực
 643 này. Một trong những bia ký có niên đại khoảng cuối
 644 thế kỷ V, do một tù trưởng địa phương, tự xưng là
 645 Devanika, đã hành hương từ một nơi vô danh đến
 646 thành phố Khmer đầu tiên ở Champasak, nay thuộc
 647 miền nam Lào, nổi tiếng với ngọn núi thánh Sri Lin-
 648 gaparvata. Ngọn núi này, có đỉnh giống như một
 649 linga tự nhiên, vào thời điểm này đã được biết đến
 650 như là nơi ở của thần Shiva. Tại ngọn núi thánh này,
 651 Devanika đã mời các linh mục Bà la môn đến thực
 652 hiện nghi lễ thánh hiến để khẳng định quyền lực của

653 mình trước sự chứng kiến của thần Shiva. Nghi thức
 654 được thực hiện là *abhisheka*. Vị vua này, theo bia ký
 655 nói rằng, “được Sri Lingaparvata tốt lành phong cho
 656 quyền lực hoàng gia tối cao, được tôn vinh từ thời cổ
 657 đại”. Devanika đảm nhận một danh hiệu mới trong
 658 dòng chữ, đó là maharajadhiraja, ‘vua của các vị vua’,
 659 một người được ban phúc giống Shiva. Dòng chữ
 660 cống hiến mà ông đã lắp đặt để ghi lại lòng sùng kính
 661 (bhakti) sùng đạo của mình đối với Shiva, được khắc
 662 trên bốn mặt của một linga ba bên, đã được chứng
 663 minh là dòng chữ tiếng Phạn cổ nhất được biết đến ở
 664 lãnh thổ nói tiếng Khmer²².
 665 Bằng chứng sớm nhất liên quan đến điều khắc Shiva
 666 giáo tại Champa là bức phù điêu ở tháp Mỹ Sơn thể
 667 hiện một đài thờ mô tả chiếc Linga chỉ lộ ra phần
 668 trên (tức phần Rudrabhaga hiện thân cho thần Shiva),
 669 phần bên dưới không lộ ra vì nó nằm thật sâu xuống
 670 lòng chậu (Yoni). Các chi tiết còn lại cho thấy Linga
 671 đặt bên ngoài một ngôi tháp gạch, gần một cây cổ thụ,
 672 bên cạnh có một tu sĩ Bà La Môn giáo (Rsi) đang làm
 673 lễ Puja – Linga. Đài thờ là bằng chứng khảo cổ học –
 674 tôn giáo sớm nhất ở Champa cùng với minh văn trên
 675 bia ký Vô Cảnh có niên đại khoảng vào thế kỷ IV²⁹.
 676 Thế kỷ VII – VIII, sau sự sụp đổ của vương quốc Phù
 677 Nam, có hiện tượng chuyển dịch từ thờ cúng Vishnu
 678 giáo sang Shiva giáo cùng với sự lan tỏa mạnh mẽ của
 679 Shiva giáo xuống phía nam với các hàng loạt linga và
 680 các đền thờ được xây dựng ở vùng nam Campuchia
 681 và Việt Nam. Ở đồng bằng sông Mê Kông, đã phát
 682 hiện tổng cộng 9 tượng và mảnh tượng thần Shiva
 683 bằng đá, niên đại chủ yếu thế kỷ VII – VIII³⁰. Các
 684 thành viên trong gia đình thần Shiva cũng được thờ
 685 phụng rộng rãi là Ganesha, con trai cả và phối ngẫu
 686 Uma và Parvati. Ở Nam Bộ đã tìm thấy 12 hiện vật là
 687 tượng và mảnh vỡ tượng thần Ganesha ở các di tích
 688 có niên đại thế kỷ VII trở về sau. Phối ngẫu của Shiva
 689 được thể hiện ở hình thái “Uma giết quỷ đầu trâu” hay
 690 Dugra hay Mahishashuramardhini đã tìm 7 hiện vật
 691 dạng tượng tròn và một phù điêu, trong khi ở hình
 692 thái Parvati tìm thấy 2 hiện vật, tất cả các tạo tác này
 693 đều có niên đại khoảng thế kỷ VII hoặc muộn hơn.
 694 Sự xuất hiện của linga, các bia ký miêu tả lại việc cúng
 695 tế và thờ phụng thần Shiva. Đặc biệt trong bia ký Ph-
 696 nom Prah của Bhavavarman II (thế kỷ VII) nêu rõ tên
 697 hệ phái Pasupata trong giáo phái Shiva³¹.
 698 Ở đồng bằng Nam Bộ cũng có rất nhiều di tích được
 699 xây dựng trong giai đoạn này và đôi khi được sử dụng
 700 cho đến thế kỷ VII, như là Gò Minh Sư (Đồng Tháp),
 701 các kiến trúc ở khu vực Ba Thê, di tích Gò Đồn (Long
 702 An) và nhiều di tích khác mới được xây dựng ở khu
 703 vực Đông Nam Bộ. Tại Ba Thê đã phát hiện bia ký
 704 Ba Thê (còn gọi là bia K3) ghi lại việc xây dựng một
 705 ngôi đền bằng gạch, rộng lớn và bền vững để cúng

706 thần Shiva, bia ghi tên người lập và cũng ghi lại việc
 707 có một vị hoàng hậu, tuy không phải người chịu trách
 708 nhiệm thực hiện nhưng “đã vui mừng cúng (thần) Sri
 709 Vardhamana” (tức là Shiva)²⁴.
 710 Việc các nhà cầm quyền Chân Lạp ủng hộ việc xây
 711 dựng các điện thờ, bảo trợ cho việc thờ cúng Shiva ở
 712 vùng đất mà người dân vốn tôn thờ Vishnu là một
 713 hành động có thể xuất phát từ mục đích chính trị,
 714 sự áp đảo của Shiva giáo cũng tương tự như việc mà
 715 Chân Lạp muốn áp đặt sự cai trị của mình ở lãnh thổ
 716 Phù Nam cũ. Điểm đặc biệt là quá trình này không
 717 có sự phản đối của cư dân vương quốc Phù Nam xưa,
 718 hoặc ít nhất là chưa có bằng chứng cho việc này. Điều
 719 này có thể giải thích bằng việc sự thờ cúng Shiva đã có
 720 mặt ở đây từ đầu công nguyên, và sự thật là không có
 721 sự mâu thuẫn mang tính chất đối địch của Shiva giáo
 722 và Vishnu giáo ở khu vực này. Ngoài ra, còn phải kể
 723 đến vai trò mang tính chất “trung gian” của vị thần
 724 Harihara.
 725 Sự xuất hiện của Harihara như một sự hợp nhất của
 726 hai giáo phái Shiva và Vishnu cũng là điểm đặc
 727 biệt trong sự phát triển của Ấn Độ giáo ở Đông Dương.
 728 Mặc dù có nguồn gốc từ Ấn Độ nhưng Harihara rõ
 729 ràng là sự lựa chọn của người cầm quyền cho phù hợp
 730 với tình hình lịch sử, truyền thống cai trị gắn liền với
 731 Shiva ở vùng cao “Lục Chân Lạp” đang cố gắng khẳng
 732 định hoặc duy trì quyền kiểm soát đối với vùng đất
 733 “Thủy Chân Lạp” nơi mà Vishnu từng là biểu tượng.
 734 Danh từ Harihara gồm có hai phần: phần đầu Hari
 735 = Vishnu, phần sau Hara = Shiva nên thần Harihara
 736 là tên gọi biểu trưng cho sự hợp nhất của hai vị thần
 737 Vishnu và Shiva. Do đó, Harihara đóng vai trò như
 738 một biểu hiện trực quan về sự tích hợp của các chính
 739 quyền khác nhau trong khu vực. Điều này cũng giải
 740 thích số lượng tương đối lớn các hình tượng Harihara
 741 xuất hiện khắp Campuchia và Nam Bộ trong nửa sau
 742 thế kỷ thứ bảy và nửa đầu thế kỷ VIII²³.
 743 Ở Việt Nam, có bốn đầu tượng thần Harihara đã được
 744 phát hiện, trong đó ba hiện vật tìm thấy ở khu vực
 745 Óc Eo – Ba Thê và một hiện vật không rõ nguồn gốc,
 746 hiện được giữ tại bảo tàng Đồng Tháp. Bốn đầu tượng
 747 này đều là dạng đầu đội mũ hình trụ tròn đặc trưng
 748 của tượng Vishnu Phù Nam, các yếu tố Shiva được
 749 thể hiện bằng biểu tượng như là một nửa bên phải
 750 có búi tóc kiểu jatamukuta của thần Shiva, hoặc con
 751 mắt đặc trưng của thần Shiva được thể hiện ở dạng $\frac{1}{2}$
 752 nửa bên phải hoặc nguyên dạng. Trong giai đoạn tiền
 753 Angkor ở Campuchia, thần Harihara thường được thể
 754 hiện có bốn tay; hai tay phía trước cầm những vật biểu
 755 tượng của thần Vishnu như con ốc gai (Sankha), bánh
 756 xe (Chakra) hoặc cây chùy (Gada). Hai tay sau cầm
 757 những vật biểu tượng của thần Shiva như: cây đinh
 758 ba (Trisula) và cây phát trần. Phần trán bên trái trang

759 trí nửa con mắt và vầng trăng lưỡi liềm dính trên búi
 760 tóc (Jala - mukuta) của thần Shiva; nửa phần bên phải
 761 là một nửa chiếc mũ trụ của thần Vishnu, đôi khi phía
 762 sau gáy có những lọn tóc xoắn dài xuống vai.
 763 Một đặc điểm nổi bật khác của giai đoạn này là sự phát
 764 triển của hệ thống thần vương Devaraja. Tín ngưỡng
 765 thần vương ở Đông Nam Á có nguồn gốc từ Ấn Độ
 766 nhưng dựa trên nền tảng của văn hóa bản địa, Đông
 767 Nam Á có những biến đổi so với Ấn Độ. Nếu tín
 768 ngưỡng thần vương ở Ấn Độ là nhà vua được đồng
 769 hóa với thiên vương Indra (Đế Thiên) hoặc thần Bảo
 770 tôn Vishnu thì ở Đông Nam Á, vua được xem là hóa
 771 thân của Shiva hay Vishnu trên trần thế. Ngoài sự biến
 772 đổi so với Ấn Độ, cư dân Đông Nam Á còn dung hòa
 773 tín ngưỡng thần vương với tín ngưỡng bản địa như
 774 tín ngưỡng phồn thực và tín ngưỡng thờ tổ tiên vốn là
 775 nền tảng căn bản của văn hóa Đông Nam Á thời Tiền
 776 sử. Việc kết hợp sớm nhất sức mạnh của vương quyền
 777 và thần quyền có thể nói đến dòng chữ khắc trên đá
 778 của vua Purnavarman, người cai trị vương quốc Taru-
 779 managara, Sunda, tây Java, Indonesia, đầu thế kỷ VI,
 780 mô tả vua Purnavarman là “vị vua vĩ đại, người cai
 781 trị thế giới, có dấu chân giống với dấu chân của Chúa
 782 Vishnu”, đồng nhất ông với Trivikrama. Bia K5 Tháp
 783 Mười tuy không nói rõ ràng nhưng cũng thể hiện mối
 784 liên hệ giữa quyền lực hoàng gia và thần quyền. Cho
 785 đến thế kỷ VIII, bia ký thời kỳ vua Jayavarman II (770-
 786 834) xác nhận chính thức sự kết hợp khi nhà vua tự
 787 tuyên xưng mình là hóa thân của thần Shiva trên trần
 788 thế²⁹.

789 Trong giai đoạn này, cùng với sự phát triển của kỹ
 790 thuật xây dựng, nghệ thuật tạo hình, hầu như các lá
 791 vàng không còn được sử dụng trong các kiến trúc tôn
 792 giáo. Trong các kiến trúc này, có thể còn một số mảnh
 793 vàng vụn nhỏ, không có chạm khắc các hình ảnh (trừ
 794 khu vực Cát Tiên). Sự hiện diện của Shiva giáo được
 795 thể hiện rõ rệt bằng các tượng thần Shiva, nữ thần
 796 Uma, tượng Gasneha, bò thần Nanin, linga, các bia
 797 ký...

798 KẾT LUẬN

799 Những hiện vật vàng lá với các nội dung chạm khắc
 800 là bằng chứng cho sự hiện diện và biến đổi của Ấn
 801 Độ giáo nói chung và Shiva giáo ở Nam bộ Việt Nam
 802 nói riêng trong thiên niên kỷ thứ nhất. Thống kê đến
 803 hiện tại, có thể thấy biểu tượng của Shiva giáo xuất
 804 hiện 102 hiện vật dưới các hình thức: thần Shiva, bò
 805 thần Nandi, linga, đinh ba và trống khuyết, bình nước,
 806 hươu và ký tự. Mặc dù chưa chiếm ưu thế về số lượng
 807 so với con số 201 lần xuất hiện các biểu tượng của
 808 Vishnu giáo, nhưng vẫn thể hiện sự tồn tại, xuyên suốt
 809 của truyền thống tín sùng Shiva từ khi xâm nhập vào
 810 khu vực này.

Từ khi du nhập vào Óc Eo, Shiva giáo được tiếp 811
 nhận, cắm rễ và phát triển ở đây. Tuy mỗi giai đoạn 812
 có những biểu hiện và mức độ phổ biến khác nhau 813
 nhưng vẫn liên tục duy trì từ đầu công nguyên và 814
 phát triển mạnh mẽ vào thế kỷ VII – VIII. Từ đầu 815
 công nguyên với ưu thế bằng việc có nhiều sự tương 816
 đồng với tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ đá 817
 bản địa, truyền thống tôn thờ Shiva nhanh chóng bén 818
 rễ và hòa hợp với tín ngưỡng bản địa. Khoảng thế kỷ 819
 V, cùng với sự phân tách và phát triển mạnh mẽ của 820
 Shiva giáo và Vishnu giáo ở tiểu lục địa Ấn Độ, ở khu 821
 vực Đông Dương cũng có hiện tượng phân chia khu 822
 vực chịu ảnh hưởng chính của Shiva giáo và Vishnu 823
 giáo. Trong đó, Vishnu phổ biến ở đồng bằng Nam 824
 Bộ, trong khi Shiva giáo phát triển chính ở vùng bắc 825
 Campuchia, Lào và Champa. Tuy nhiên, trong khu 826
 vực Nam Bộ vẫn tồn tại việc tin thờ Shiva giáo, và 827
 không thấy có sự đối đầu giữa hai giáo phái này. Tình 828
 trạng này duy trì liên tục qua giai đoạn thế kỷ V đến 829
 gần cuối thế kỷ VII. Nghệ thuật tạo hình phục vụ sinh 830
 hoạt tôn giáo cũng thể hiện sự nở rộ của Vishnu giáo, 831
 hàng loạt tượng Vishnu có phong cách tạo tác thống 832
 nhất đã được tìm thấy, tạo nên một phong cách nghệ 833
 thuật riêng cho khu vực. Cho đến cuối thế kỷ VII, đầu 834
 thế kỷ VIII, sức mạnh của tín ngưỡng Shiva nhanh 835
 chóng mở rộng khắp đất liền và Đông Nam Á hải đảo, 836
 thách thức vị thế đang lên của chủ nghĩa Vishnu. Sự 837
 thay đổi này gắn liền với những biến động chính trị 838
 trong khu vực, sự sụp đổ của Phù Nam, sự lớn mạnh 839
 của Chân Lạp. 840
 Mặc dù có hiện tượng thất thoát của hiện vật bằng 841
 các kim loại quý trong cơn sốt “đào vàng” ở Nam Bộ 842
 những năm 80 – 90, việc thống kê số lượng giữa hai 843
 giáo phái chỉ có tính tương đối nhưng những kết quả 844
 này vẫn cung cấp những gợi ý quan trọng trong việc 845
 nghiên cứu lịch sử và những biến đổi của Ấn Độ giáo 846
 trong khu vực có ý nghĩa quan trọng đối với nghiên 847
 cứu lịch sử nghiên cứu Đông Nam Á. 848

849 LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học 850
 Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ 851
 Chí Minh trong khuôn khổ đề tài mã số T2023-10. 852

853 XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích. 854

855 ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bài viết là kết quả tổng hợp và nghiên cứu của hai tác 856
 giả dựa trên các nghiên cứu đã được công bố trong 857
 và ngoài nước. Bài viết thống kê và phân tích các yếu 858
 tố, biểu hiện của Shiva giáo trên các lá vàng và hoàn 859

- 860 thiện bức tranh về sự phát triển của Shiva giáo trong
 861 văn hóa Óc Eo. Đóng góp cụ thể của từng tác giả:
 862 1. Võ Thị Huỳnh Như: tổng hợp tài liệu, viết bài và
 863 hoàn thiện bài viết cuối cùng.
 864 2. Cao Thu Nga: tổng hợp tài liệu và viết bài.

865 TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 866 1. Malleret L. Khảo cổ học đồng bằng sông Mekong tập III. Bản
 867 dịch của EFEO. TP. Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp; 2023;
 868 2. Liên LT. Nghệ thuật Phật giáo và Hindu giáo ở Đồng Bằng sông
 869 Cửu Long trước thế kỷ X. Hà Nội: Thế giới; 2006;
 870 3. Thảo PTN. Hiện vật vàng trong văn hóa Óc Eo. Trường Đại học
 871 Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ
 872 Chí Minh; 2009;.
 873 4. Thăng ĐV, Hiến LTS. The Evolution of Shiva and Vishnu in
 874 culture in Vietnam. International Journal of History and Re-
 875 search. 2021;11(2):37-50;Available from: <https://doi.org/10.24247/ijhrdec20216>.
 876 5. Trung L, Hòa TT. Những hiện vật văn hóa Óc Eo tàng trữ tại
 877 Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh. Văn hóa Óc Eo và
 878 các văn hóa cổ ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Long Xuyên: Sở
 879 Văn hóa và Thông tin An Giang; 1984. p. 166-72;.
 880 6. Diệm LX, Côn ĐL, Khải VS. Văn hóa Óc Eo - Những khám phá
 881 mới. Hà Nội: Khoa học xã hội; 1995;.
 882 7. Côn ĐL. Khu di tích Gò Tháp qua lần khai quật thứ hai. Một số
 883 vấn đề khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam. Hà Nội: Khoa học
 884 xã hội; 1997. p. 355-73;.
 885 8. Thăng ĐV, Nhu VTH. Trung tâm tôn giáo Gò Tháp (Đồng Tháp).
 886 Khảo cổ học. 2012;6:71-90;.
 887 9. Chevalier J, Gheerbrant A. Từ điển biểu tượng thế giới. Đà
 888 Nẵng; 1996;.
 889 10. Slaczka A. The brick structures of Go Thap - tombs or tem-
 890 ples? Journal of the Indo-Pacific Archaeology. 2011;31:108-
 891 16;Available from: <https://doi.org/10.7152/bippa.v31i0.10665>.
 892 11. Mukundcharandas S. Hindu rites and rituals (sentiments,
 893 sacraments & symbols). India: Swaminarayan Aksharpathi;
 894 2010;.
 895 12. Mạnh NH, Linh NHB. Kiến trúc hồ thiêng trong nền móng đến
 896 tháp Champa và Óc Eo. Khảo cổ học. 2022;3:44-65;.
 897 13. Slaczka A. Temple Consecration Rituals in Ancient India: Text
 898 and Archaeology. Boston: Brill; 2007;Available from: <https://doi.org/10.1163/ej.9789004158436.i-414>.
 899 14. Parmeshwaranand S. Encyclopaedia of the Śaivism. Sarup &
 900 Sons; 2004;.
 901 15. Flood G. The Śaiva Traditions. In: The Blackwell Companion to
 902 Hinduism. USA: Blackwell Publishing Ltd; 2003;Available from:
 903 <https://doi.org/10.1002/9780470998694>.
 904 16. Liên LT. Sự tiến triển của tiểu tượng Hindu giáo ở Đồng Bằng
 905 sông Cửu Long trước thế kỷ X. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt
 906 Nam Học lần 2 - 2004. Hà Nội: ĐHQG Hà Nội; 2005. p. 62-78;.
 907 17. Witzel M, Liên LT. Thêm một cách đọc các chữ viết trên vàng ở
 908 khu vực mộ Đá Nổi (An Giang). Những Phát hiện mới về khảo
 909 cổ học năm 2000. Hà Nội: Khoa học xã hội; 2001. p. 775-7;.
 910 18. Mukherjee BN. The Indian Gold: An Introduction to the Cab-
 911 inet of the Gold Coins in the Indian Museum. Kolkata: Indian
 912 Museum; 1990;.
 913 19. Rudy JE. The Book of Hindu Imagery. Binkey Kok Publications;
 914 1993;.
 915 20. Cribb J. Shiva images on Kushan and Kushano-Sasanian coins.
 916 In: Tanabe JCK, editor. Studies in Silk Road Coins and Culture,
 917 Papers in Honour of Professor Ikuo Hirayama on his 65th Birth-
 918 day. Institute of Silk Road Studies; 1997. p. 11-66;.
 919 21. Dũng TA, Liêm BV, Cường NĐ. Báo cáo khai quật di chỉ Gò Cao
 920 Su. Bảo tàng Long An; 1994;.
 921 22. Guy J. Shiva's Land: Understanding the Religious Landscape
 922 of Early Southeast Asia. In: Saran S, editor. Cultural and Civil-
 923 isational Links between India and Southeast Asia: Historical
 924 and Contemporary Dimensions. Singapore: Springer Singa-
 925 pore; 2018. p. 253-74;Available from: <https://doi.org/10.1007>

- 928 978-981-10-7317-5_15.
 929 23. Lavy PA. As in Heaven, so on Earth: The Politics of Viṣṇu, Śiva
 930 and Harihara Images in Preangkorian Khmer Civilisation. Jour-
 931 nal of Southeast Asian Studies. 2003;34(2):21-39;Available
 932 from: <http://www.jstor.org/stable/20072473>.
 933 24. Ninh L. Nước Phù Nam. TP Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc
 934 gia; 2006;.
 935 25. Lavy P. Conch-on-hip Images in Peninsular Thailand and Early
 936 Vaisnava Sculpture in Southeast Asia. 2014;152-73;.
 937 26. de Havenon M. The Earliest Viṣṇu Sculpture from Southeast
 938 Asia. The Journal of the Walters Art Museum. 2006;64/65:81-
 939 98;Available from: <http://www.jstor.org/stable/20650897>.
 940 27. Coedès G. Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông. Hà Nội:
 941 Thế giới; 2008;.
 942 28. Sharma G. Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam. Minh
 943 TT. TP Hồ Chí Minh: Văn hóa Văn nghệ; 2012;.
 944 29. Tú PA. Hình tượng điêu khắc thần Vishnu và Shiva trong văn
 945 hóa Đông Nam Á. TP Hồ Chí Minh: ĐH KHXH&NV, ĐHQG;
 946 2014;.
 947 30. Hoàng BC. Khảo cổ học Nam bộ thời sơ sử. Hà Nội: Khoa học
 948 xã hội; 2018;.
 949 31. Jash P. Influence of Saivism in The Southeast Asian Countries.
 950 Proceedings of the Indian History Congress. 1977;38:620-
 951 31;Available from: <http://www.jstor.org/stable/44139124>.

The development of Shivaism in Oc Eo culture: A case study of symbols on gold plaques

Vo Thi Huynh Nhu*, Cao Thu Nga



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Gold plaques are a unique type of artifact and exist in large quantities in Oc Eo culture. They are must-have sacred objects during Shilanyas ceremonies, the ritual of placing sacred objects before the construction of architectural works according to Hinduism. So far, scientists have discovered more than 800 gold plaques artifacts in architectural relics of the Oc Eo culture in Southern Vietnam. Many pieces of gold are engraved with the content representing the worldview of the Oc Eo people, in which Hindu symbols got a high percentage. By studying the content expressed on gold plaques artifacts of the Oc Eo culture kept in museums in Southern provinces, the article identifies and lists the Shivaism symbols on these artifacts. The findings show that, on gold plaques, the god Shiva is rarely represented in human form, and there are only seven specimens at Da Noi site, An Giang province, with the symbols of Shivaism mainly expressed through sacred objects and mounts of the god Shiva, including linga, trident, Nandi, crescent moon, water pot and deer. Only three relics were found: Da Noi, Nen Chua, and Go Thap, all of which are early-dated architectural relics. On many gold plaques, the symbols of Vishnuism and Shivaism were also shown together. These results demonstrate the continuous development of Shivaism in the Southern Vietnam. Although in the 5th and 6th centuries, Vishnuism was more dominant in the Southern Delta, Shivaism still maintained its existence as a major sect.

Key words: Hinduism, Shivaism, gold plaque, Oc Eo culture

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Vo Thi Huynh Nhu, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: huynhnhu@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 20-3-2024
- Revised: 22-6-2024
- Accepted: 12-9-2024
- Published Online:

DOI :



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Nhu V T H, Nga C T. **The development of Shivaism in Oc Eo culture: A case study of symbols on gold plaques** . *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; ():1-1.